TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/4/2024
V/v Ly hôn; tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 25/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2023 về việc "Ly hôn; tranh chấp HĐ vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quang T sinh năm 1972; địa chỉ xóm 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T1 sinh năm 1974; địa chỉ xóm 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng (N.H); địa chỉ phường 1, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông V; Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn P; Phó Giám đốc Ngân hàng chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình (giấy uỷ quyền ngày 04/01/2024); vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Văn N sinh năm 1995; địa chỉ xóm 5B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Lê N1 sinh năm 2006; địa chỉ xóm 5B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bà Mai Thị N2 sinh năm 1930; địa chỉ xóm 5B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2023, bản tự khai đề ngày 14/11/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh T trình bày: Anh T và chị T1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Hồng vào năm 1993, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nhưng giấy đăng ký kết hôn hiện nay đã bị mất. Từ năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp; từ tháng 6/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn chị T1. Về con, vợ chồng có 03 con là cháu Lê Văn N sinh ngày 12/7/1995, cháu Lê Thị Huệ sinh ngày 10/9/1996 và cháu Lê N1sinh ngày 02/5/2006; cả 03 cháu đều đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, nên anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.Về tài sản, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ, về khoản vay của N.H anh T đã trả xong; vợ chồng không vay tài sản của ông Hường, chị Mây và cháu N.

Biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2023; bản tự khai đề ngày 05/3/2024 và tại phiên tòa, bị đơn là chị T1 trình bày: Chị T1 và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Hồng vào năm 1993, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nhưng giấy đăng ký kết hôn hiện nay đã bị mất. Từ năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người khác, chị T1 đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không sửa chữa, nên từ tháng 6/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân; nay tình cảm vợ chồng đã bị tổn thương nên chị T1 đồng ý ly hôn anh T. Về con, vợ chồng có 03 con là cháu Lê Văn N sinh ngày 12/7/1995, cháu Lê Thị Huệ sinh ngày 10/9/1996 và cháu Lê N1sinh ngày 02/5/2006; cả 03 cháu đều đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, nên chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản, chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ, về khoản vay của N.H thì anh T đã trả nợ xong; về khoản vay của ông Hường, chị Mây và cháu N để các biên tự giải quyết với nhau, nên chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2024 người đại diện cho N.H là ông Phạm Tuấn Anh trình bày: Vợ chồng anh T chị T1 vay tại N.H chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình - Phòng giao dịch K theo Hợp đồng tín dụng số 3306-LAV-202201702, số nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là 128.219 đồng; tài sản bảo đảm là nhà mái ngói và công trình phụ khép kín và quyền sử dụng đất số Đ146586 do UBND huyện Y cấp ngày 24/9/2004. Nay vợ chồng anh T chị T1 ly hôn nhau Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng anh T chị T1 phải trả đủ số tiền vay và tiền lãi vay cho Ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Ngày 09/4/2024 người đại diện cho Ngân hàng theo uỷ quyền lại là ông Nguyễn Văn P có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện với lý do vợ chồng anh T chị T1 đã trả nợ xong cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định; các đương trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, quyết đinh:

- Về yêu cầu ly hôn: Cho anh Lê Quang T ly hôn chị Phạm Thị T1.

- Về yêu cầu độc lập của N.H: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của N.H.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; N.H phải chịu phí thẩm định tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Anh T khởi kiện "Ly hôn" chị T1, việc khởi kiện của anh T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Agribak khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với vợ chồng anh T chị T1, việc khởi kiện của Agribak được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vợ chồng anh T chị T1 cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ông P đại diện cho Agriank, bà N2, anh N, anh N1vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người liên quan trên.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

Về hôn nhân: Anh T và chị T1 đều xác định vợ chồng tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Hồng vào năm 1993 và đã được UBND xã Khánh Hồng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh T và chị T1 không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn giữa anh T và chị T1 cho Tòa án với lý do giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất; tại biên bản xác minh ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, đại diện UBND xã Khánh Hồng cung cấp "Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã Khánh Hồng hiện còn lưu trữ từ năm 1994 cho đến nay". Theo thông báo số định danh cá nhân do Công an xã K cấp thể hiện anh T và chị T1 là vợ chồng; bản sao giấy khai sinh của cháu N, cháu Huệ và cháu N1đều có ghi cha là Lê Quang T và mẹ là Phạm Thị T1; tại thời điểm năm 1993 cả anh T và chị T1 đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Do vậy có cơ sở khẳng định anh T và chị T1 có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1993, nên hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp.

Lý do ly hôn: Theo lời khai của cả anh T và chị T1 thì từ năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 6/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân và chị T1 đồng ý ly hôn anh T.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh T trong thời gian qua đã phát sinh mẫu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng; nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T ly hôn chị T1.

[3] Về nuôi con: Anh T và chị T1 đều trình bày vợ chồng có 03 con là cháu N, cháu Huệ và cháu Ngọc Anh. Anh T và chị T1 đều trình bày cả 03 cháu đều đã trưởng thành tự lập được cuộc sống và đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh T và chị T1 đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về yêu cầu khởi kiện độc lập của N.H: Ngày 09/4/2024 người đại diện theo uỷ quyền lại cho N.H là ông Nguyễn Văn P có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của N.H đối với vợ chồng anh T chị T1.

[6] Về quan hệ vay nợ: Theo lời khai của chị T1, ông Hường, chị Mây và anh N thì ông Hường, chị Mây và anh N có cho vợ chồng anh T chị T1 vay tài sản, nhưng chị T1, ông Hường, chị Mây và anh N đều có bản tự khai không yêu cầu Toà án giải quyết; nên Toà án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Anh T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn

- Trả lại cho N.H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng.

- N.H phải chịu 2.600.000 đồng chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tài sản.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho anh Lê Quang T ly hôn chị Phạm Thị T1.

3.2. Về yêu cầu độc lập: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng đối với vợ chồng anh Lê Quang T và chị Phạm Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2024.

3.3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc anh Lê Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0001606 ngày 14/11/2023 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y, anh T đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001629 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

- Ngân hàng phải chịu 2.600.000 đồng chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tài sản; được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lại thu tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 25/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Y; Ngân hàng được hoàn lại số tiền chênh lệch là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là N.H, bà N2, anh N, anh N1có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND xã Khánh Hồng
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Y, *ngày 25 tháng 4 năm 2024*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và bà Phạm Thị Mai

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Quang T sinh năm 1972.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T1 sinh năm 1974.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (N.H). Người đại diện theo pháp luật lad ông Phạm Toàn Vượng. Người đại diện theo uỷ quyền lại là ông Nguyễn Văn P.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ pháp luật: "Ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Kết quả biểu quyết: 3/ 3 = 100%

2. Điều luật áp dụng: khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/ 3 = 100%

3. Nội dung giải quyết:

3.1. Về ly nhân: Cho anh T ly hôn chị T1.

Kết quả biểu quyết: 3/ 3 = 100%

3.2. Về yêu cầu độc lập: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng đối với vợ chồng anh

Lê Quang T và chị Phạm Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2024.

Kết quả biểu quyết: 3/ 3 = 100%

3.3. Về án phí và chị phí tố tụng:

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng.

- Ngân hàng phải chịu 2.600.000 đồng chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tài sản.

Kết quả biểu quyết: 3/ 3 = 100%

3.4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là N.H, bà N2, anh N, anh N1có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/ 3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 05 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai **Nguyễn Hà Giang** **Bùi Văn Lực**

Biên bản lấy lời khai đề ngày 06/4/2023 bà N2 trình bày: Về khoản vay của Ngân hàng, tôi đã trả xong cho Ngân hàng. Vợ chồng tôi không vay tài sản của ông Hường, chị Mây và cháu N.

Bản tự khai đề ngày 29/11/2022 người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh N trình bày: Anh N choc ho bố mẹ là anh T chị T1 vay 04 chỉ vàng, nay bố mẹ ly hôn về số nợ trên anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản tự khai đề ngày 29/11/2022 người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Hường trình bày: Anh N choc ho bố mẹ là anh T chị T1 vay 04 chỉ vàng, nay bố mẹ ly hôn về số nợ trên anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản tự khai đề ngày 29/11/2022 người có quyền, nghĩa vụ liên quan là chị Mây trình bày: Anh N choc ho bố mẹ là anh T chị T1 vay 04 chỉ vàng, nay bố mẹ ly hôn về số nợ trên anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản tự khai đề ngày 29/11/2022, bản tự khai đề ngày 06/4/2023 anh N1trình bày: Về khoản vay của Ngân hàng, tôi đã trả xong cho Ngân hàng. Vợ chồng tôi không vay tài sản của ông Hường, chị Mây và cháu N.